

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

*Báo cáo tài chính hợp nhất*

*cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011*

*đã được soát xét*



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
**AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)**

A member of  international. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers.  
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp.

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09-24



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Địa chỉ: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi số Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty là 0301471330.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Hoàng Đăng Doanh	Ủy viên
Ông Phan Thông	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Cự	Ủy viên
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thông	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Sỹ Nhượng	Trưởng ban
Bà Phùng Thị Nga	Thành viên
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Địa chỉ: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



The stamp is circular and red, containing the text: "CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI" and "QUẬN 4 TP. HỒ CHÍ MINH". A blue ink signature is written over the stamp.

Trần Nguyên Hùng  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2011





Số: 165 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011  
của Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi được lập ngày 18 tháng 08 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2011

**Vũ Xuân Biên**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>218.577.620.464</b>	<b>218.408.697.299</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	127.537.781.326	128.180.011.501
111	1. Tiền		80.912.181.326	61.080.011.501
112	2. Các khoản tương đương tiền		46.625.600.000	67.100.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	28.932.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	28.932.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		84.607.917.556	55.280.932.190
131	1. Phải thu của khách hàng		9.872.130.116	9.185.060.867
132	2. Trả trước cho người bán		473.171.181	480.888.250
135	5. Các khoản phải thu khác	4	74.262.616.259	45.614.983.073
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.431.921.582	6.015.753.608
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		965.258.048	523.939.445
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		45.660.727	156.164.227
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5	1.298.380.031	462.328
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	4.122.622.776	5.335.187.608
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>183.277.544.110</b>	<b>179.260.906.832</b>
220	II. Tài sản cố định		104.938.859.533	107.889.322.602
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	93.274.024.983	94.580.826.521
222	- Nguyên giá		116.631.029.657	115.491.044.126
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(23.357.004.674)	(20.910.217.605)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	9.643.378.805	9.718.560.044
228	- Nguyên giá		9.935.024.453	9.935.024.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(291.645.648)	(216.464.409)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	2.021.455.745	3.589.936.037
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	75.162.598.707	69.655.872.892
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		73.557.036.707	68.050.310.892
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.605.562.000	1.605.562.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.176.085.870	1.715.711.338
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.255.102.190	679.747.198
268	3. Tài sản dài hạn khác		920.983.680	1.035.964.140
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>401.855.164.574</b>	<b>397.669.604.131</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		208.074.399.688	193.723.735.266
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		207.736.782.984	193.459.392.505
312	2. Phải trả người bán		18.206.317.723	31.750.912.232
313	3. Người mua trả tiền trước		12.941.995.667	31.883.191.685
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	6.888.410.547	6.393.731.863
315	5. Phải trả người lao động		1.410.052.698	6.893.986.020
316	6. Chi phí phải trả		46.800.000	113.345.455
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	165.925.114.669	115.482.849.429
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.318.091.680	941.375.821
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		337.616.704	264.342.761
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		337.616.704	264.342.761
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		184.998.655.611	191.065.781.261
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	14	184.998.655.611	191.065.781.261
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		82.899.818.054	82.899.818.054
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.636.112.600	33.636.112.600
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	4.103.403.715
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.264.374.396	5.198.067.208
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		61.198.350.561	65.228.379.684
439	<b>C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỀU SỞ</b>		8.782.109.275	12.880.087.604
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<u>401.855.164.574</u>	<u>397.669.604.131</u>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		2.031.509,61	2.132.769,00



Võ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng  
Tổng Giám đốc  
Lập, ngày 18 tháng 08 năm 2011



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	95.410.638.723	83.610.701.856
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		95.410.638.723	83.610.701.856
11	4. Giá vốn hàng bán	16	57.089.615.037	59.767.327.373
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.321.023.686	23.843.374.483
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	7.911.081.134	4.733.820.016
22	7. Chi phí tài chính	18	5.496.036.795	1.593.587.051
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		31.356.097.991	19.050.637.030
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		9.379.970.034	7.932.970.418
31	11. Thu nhập khác		838.448.988	1.021.961.635
32	12. Chi phí khác		97.700.702	5.141.564
40	13. Lợi nhuận khác		740.748.286	1.016.820.071
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		5.506.725.815	8.653.200.781
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.627.444.135	17.602.991.270
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	2.625.692.155	2.254.855.583
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.001.751.980	15.348.135.687
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		464.195.275	860.187.401
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>12.537.556.705</u>	<u>14.487.948.286</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.512	1.748

Võ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng



Trần Nguyên Hùng  
Tổng Giám đốc  
Lập, ngày 18 tháng 08 năm 2011





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15.627.444.135	17.602.991.270
02	Khấu hao tài sản cố định		2.529.358.772	2.352.293.910
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.628.737.222)	(2.099.202.257)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.528.065.685	17.856.082.923
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(61.696.860.162)	(66.291.879.327)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		18.979.854.601	35.655.656.680
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.016.673.595)	(541.387.069)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.704.872.136)	(2.191.702.842)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		44.077.301.851	26.056.951.668
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(833.566.868)	(2.562.665.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.333.249.376	7.981.057.033
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.169.245.273)	(3.542.950.904)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	231.818.182
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	100.561.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.628.737.222	2.099.202.257
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.459.491.949	(1.111.369.465)
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.434.971.500)	(4.144.990.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.434.971.500)	(4.144.990.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(642.230.175)	2.724.697.068
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		128.180.011.501	88.588.231.444
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		<u>127.537.781.326</u>	<u>91.312.928.512</u>



Võ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 18 tháng 08 năm 2011

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi số Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty là 0301471330.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 82.899.818.054 đồng. Tương đương 8.289.981 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng	Hải Phòng	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội	Hà Nội	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn	Quy Nhơn	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Vũng Tàu	Vũng Tàu	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty

<u>Xí nghiệp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Xí nghiệp Đại lý Hàng hải và Giao nhận Hải Phòng	Tp. HCM	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty

<u>Điểm kinh doanh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Kho hàng Safi	Tp. HCM	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất tại thời điểm 30/06/2011 bao gồm :

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi <sup>(1)</sup>	Tp. HCM	51%	51%	Đại lý vận tải
- Công ty TNHH SITC Việt Nam <sup>(2)</sup>	Hải Phòng	51%	51%	Giao nhận và đại lý tàu biển

(1) Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi có vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 600.000 USD (Sáu trăm ngàn đô la Mỹ) tương đương 9.600.000.000 VND (Chín tỷ sáu trăm triệu đồng).

(2) Công ty TNHH SITC Việt Nam có vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 400.000 USD ( Bốn trăm ngàn đô la Mỹ) tương đương với 7.000.000.000 VND ( Bảy tỷ đồng).

Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Tp. HCM	Dịch vụ GN quốc tế và KD vận tải
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Tp. HCM	DV vận tải, kho vận và giao nhận

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998 và Đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán: Thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thúy, hải sản;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công quần áo, giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê vỏ container;
- Phát chuyển nhanh hàng hóa.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán kỳ của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng kỳ.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)





### **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2011. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 447,1 m<sup>2</sup> đất tại số nhà 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, quận 1, Tp Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài;
- Quyền sử dụng 9.488,4 m<sup>2</sup> đất tại Lô 39, đường số 2, Khu công nghiệp Đà Nẵng, Tp Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm.

### Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 kỳ hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 kỳ hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ chưa được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Kết quả hoạt động kinh trong 06 tháng đầu năm 2011 của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Công ty liên kết) được hợp nhất theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/06/2011 là 20.618 VNĐ/USD..

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động của Công ty là 25%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	5.178.968.745	5.776.790.000
Tiền gửi ngân hàng	74.085.664.591	54.260.460.501
Tiền đang chuyển	1.647.547.990	1.042.761.000
Các khoản tương đương tiền <sup>(1)</sup>	46.625.600.000	67.100.000.000
	<b><u>127.537.781.326</u></b>	<b><u>128.180.011.501</u></b>

(1) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu cước xuất phòng Air	12.140.773.790	14.709.006.811
Phải thu cước xuất phòng Sea	2.618.721.109	1.455.220.010
Phải thu cước THC phòng Sea	-	226.129.100
Phải thu cước nhập các hãng đại lý	959.102.599	787.527.167
Phải thu Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	284.000
Phải thu các khoản đã chi hộ và cước phí vận tải cho Freight World Pte Ltd	43.221.653.395	17.475.093.430
Phải thu hộ cho SITC Container Lines Co.,Ltd	14.211.978.601	10.388.370.511
Phải thu khác	1.110.386.765	573.352.044
	<b><u>74.262.616.259</u></b>	<b><u>45.614.983.073</u></b>

5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.298.380.031	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	462.328
	<b><u>1.298.380.031</u></b>	<b><u>462.328</u></b>

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	2.014.286.358	2.427.566.190
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.108.336.418	2.907.621.418
	<b><u>4.122.622.776</u></b>	<b><u>5.335.187.608</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Địa chỉ: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	86.800.204.854	25.646.394.712	3.044.444.560	115.491.044.126			
Số tăng trong kỳ	-	1.131.025.273	38.220.000	1.169.245.273			
- Mua sắm mới	-	1.131.025.273	38.220.000	1.169.245.273			
Số giảm trong kỳ	-	(27.714.288)	(1.545.454)	(29.259.742)			
- Giảm khác	-	(27.714.288)	(1.545.454)	(29.259.742)			
Số dư cuối kỳ	86.800.204.854	26.749.705.697	3.081.119.106	116.631.029.657			
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	10.601.886.091	8.384.141.591	1.924.189.923	20.910.217.605			
Số tăng trong kỳ	1.071.896.826	1.346.340.193	35.940.514	2.454.177.533			
- Trích khấu hao	1.071.896.826	1.346.340.193	35.940.514	2.454.177.533			
Số giảm trong kỳ	-	(7.390.464)	-	(7.390.464)			
- Giảm khác	-	(7.390.464)	-	(7.390.464)			
Số dư cuối kỳ	11.673.782.917	9.723.091.320	1.960.130.437	23.357.004.674			
Giá trị còn lại							
Đầu kỳ	76.198.318.763	17.262.253.121	1.120.254.637	94.580.826.521			
Cuối kỳ	75.126.421.937	17.026.614.377	1.120.988.669	93.274.024.983			

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	9.882.524.453	52.500.000	9.935.024.453
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>9.882.524.453</u>	<u>52.500.000</u>	<u>9.935.024.453</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	216.464.409	-	216.464.409
Số tăng trong kỳ	66.431.239	8.750.000	75.181.239
- Trích khấu hao	66.431.239	8.750.000	75.181.239
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>282.895.648</u>	<u>8.750.000</u>	<u>291.645.648</u>
Giá trị còn lại			
Đầu kỳ	<u>9.666.060.044</u>	<u>52.500.000</u>	<u>9.718.560.044</u>
Cuối kỳ	<u>9.599.628.805</u>	<u>43.750.000</u>	<u>9.643.378.805</u>

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.021.455.745	1.431.053.527
- Tòa nhà văn phòng công ty	2.021.455.745	1.431.053.527
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	2.158.882.510
- Kho Quận 7 - Tp. HCM	-	1.455.500.000
- Kho tại Tp. Đà Nẵng	-	703.382.510
	<u>2.021.455.745</u>	<u>3.589.936.037</u>

**10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	73.557.036.707	68.050.310.892
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) <sup>(1)</sup>	68.588.659.396	63.448.079.938
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam <sup>(2)</sup>	4.968.377.311	4.602.230.954
Đầu tư dài hạn khác	1.605.562.000	1.605.562.000
	<u>75.162.598.707</u>	<u>69.655.872.892</u>

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty liên kết**

(1) Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Tp. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

Tên công ty	Giá gốc của khoản đầu tư	Điều chỉnh lũy kế đến ngày 30/06/2011	Lãi trong kỳ
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	4.350.780.000	68.588.659.396	5.140.579.458

Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi (Bên A), Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (Bên B), Công ty TNHH Yusen Air & Sea service (Bên C) vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Bên B góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Bên C góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(2) Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	DV vận tải, kho vận và giao nhận

Tên công ty	Giá gốc của khoản đầu tư	Điều chỉnh lũy kế đến ngày 30/06/2011	Lãi trong kỳ
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	3.385.600.000	4.968.377.311	366.146.357

Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi (Bên A), Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn (Bên B), Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt (Bên C), KCTC (Bên D) và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 26/11/2008 vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Bên B góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Bên C góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

**Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	5.000.000	5.000.000
Đầu tư cổ phiếu	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty Vinalines Logistic	1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	100.562.000	100.562.000
- Thẻ hội viên Golf	100.562.000	100.562.000
	<b>1.605.562.000</b>	<b>1.605.562.000</b>

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	924.223.858	393.370.446
Chi phí sửa chữa văn phòng	165.789.954	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	1.165.088.378	286.376.752
	<u><b>2.255.102.190</b></u>	<u><b>679.747.198</b></u>

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	764.893.990	726.985.188
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.029.428.736	2.108.608.717
Thuế Thu nhập cá nhân	865.691.742	842.870.519
Thuế nhà thầu	4.228.396.079	2.715.267.439
	<u><b>6.888.410.547</b></u>	<u><b>6.393.731.863</b></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	810.014.571	704.949.144
Bảo hiểm xã hội	166.481.186	82.140.155
Bảo hiểm y tế	1.193.400	309.600
Trợ cấp thất nghiệp	530.400	137.600
Thuế nhà thầu phải trả theo Bill	2.493.449.277	2.253.435.406
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	27.323.600.000	27.309.100.000
Phải trả cước nhập các hãng đại lý	25.386.850.050	22.569.058.755
Phải trả các chi nhánh SAFI	7.652.424.346	9.630.516.935
Phải trả các khoản thu hộ hãng tàu	86.355.378.146	36.787.470.944
Phải trả về các khoản thu hộ khác	-	13.926.214.976
Phải trả, phải nộp khác	15.735.193.293	2.219.515.914
	<u><b>165.925.114.669</b></u>	<u><b>115.482.849.429</b></u>



**14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>82.899.818.054</b>	<b>33.636.112.600</b>	<b>4.103.403.715</b>	-	<b>5.198.067.208</b>	<b>65.228.379.684</b>	<b>191.065.781.261</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	12.537.556.705	12.537.556.705
Trích các quỹ (2)	-	-	-	4.095.486.009	2.066.307.188	(8.228.100.386)	(2.066.307.189)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	(12.434.971.500)	(12.434.971.500)
Hoàn nhập CLTG đầu kỳ	-	-	(4.103.403.715)	-	-	-	(4.103.403.715)
Tăng khác do ảnh hưởng hợp nhất năm 2010	-	-	-	-	-	49	49
Khác (1)	-	-	-	(4.095.486.009)	-	4.095.486.009	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>82.899.818.054</b>	<b>33.636.112.600</b>	-	-	<b>7.264.374.396</b>	<b>61.198.350.561</b>	<b>184.998.655.611</b>

(1) Công ty sử dụng Quỹ đầu tư phát triển đã được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm để bù đắp lợi nhuận chưa phân phối bị âm do ảnh hưởng của việc Công ty tăng vốn chủ sở hữu từ Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01-2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2011, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
<b>Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2010</b>		<b>20.663.071.886</b>
<i>Trong đó phân phối cụ thể:</i>		
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính		2.066.307.188
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển		4.095.486.009
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.066.307.189
- Chi trả cổ tức (trong ứng mỗi CP nhận 1.500 đ)		12.434.971.500

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	11.782.437.711	14,21%	11.782.437.711	14,21%
Vốn góp của đối tượng khác	71.117.380.343	85,79%	71.117.380.343	85,79%
	<b>82.899.818.054</b>	<b>100%</b>	<b>82.899.818.054</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.899.818.054	82.899.818.054
- Vốn góp đầu kỳ	82.899.818.054	82.899.818.054
- Vốn góp cuối kỳ	82.899.818.054	82.899.818.054
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.434.971.500	4.144.990.500
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	12.434.971.500	4.144.990.500

**d) Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.289.982	8.289.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.289.982	8.289.981
- Cổ phiếu phổ thông	8.289.982	8.289.981
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.289.982	8.289.981
- Cổ phiếu phổ thông	8.289.982	8.289.981
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VNĐ)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ dự phòng tài chính	7.264.374.396	5.198.067.208
	<b>7.264.374.396</b>	<b>5.198.067.208</b>

**15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	95.410.638.723	83.610.701.856
	<b>95.410.638.723</b>	<b>83.610.701.856</b>

**16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	57.089.615.037	59.767.327.373
	<b>57.089.615.037</b>	<b>59.767.327.373</b>

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.628.737.222	2.099.202.257
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.282.343.912	2.634.617.759
	<b>7.911.081.134</b>	<b>4.733.820.016</b>

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.496.036.795	1.593.587.051
	<b>5.496.036.795</b>	<b>1.593.587.051</b>

19 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.625.692.155	2.254.855.583
	<b>2.625.692.155</b>	<b>2.254.855.583</b>

20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	12.537.556.705	14.487.948.286
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.537.556.705	14.487.948.286
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.289.982	8.289.982
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>1.512</b>	<b>1.748</b>

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Địa chỉ: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**22. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**

a). Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

STT	Chi tiêu	Hoạt động Logistic	Dịch vụ đại lý hàng tàu	Cộng
		VND	VND	VND
<b>06 tháng đầu năm 2011</b>				
1	Doanh thu thuần trực tiếp từ bên ngoài	62.760.010.802	32.650.627.921	95.410.638.723
2	Doanh thu thuần trực tiếp cho các bộ phận khác	-	-	-
3	Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	2.122.037.562	635.936.920	2.757.974.482
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	14.236.977.641	1.390.466.494	15.627.444.135
5	Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản dài hạn	1.203.308.378	1.983.568.604	3.186.876.982
<b>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011</b>				
1	Tài sản bộ phận	190.598.505.471	154.093.476.272	344.691.981.743
2	Tài sản không phân bổ			57.163.182.831
<b>Tổng tài sản</b>		<b>190.598.505.471</b>	<b>154.093.476.272</b>	<b>401.855.164.574</b>
1	Nợ phải trả bộ phận	71.903.648.588	136.170.751.100	208.074.399.688
2	Nợ phải trả không phân bổ			-
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>71.903.648.588</b>	<b>136.170.751.100</b>	<b>208.074.399.688</b>

b). Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.



Võ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng



Trần Nguyên Hùng  
Tổng Giám đốc  
*Lập, ngày 18 tháng 08 năm 2011*

